

## BA MƯƠI NĂM ĐỔI MỚI NGHIÊN CỨU VỀ CHỦ NGHĨA HIỆN THỰC (1986 – 2016)

**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

*Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ*

*Email: nthanh@ctu.edu.vn*

### TÓM TẮT

*Việc nghiên cứu chủ nghĩa hiện thực trong văn học ở Việt Nam đã sớm được giới nghiên cứu quan tâm, nhưng để có những chuyển biến quan trọng, đồng bộ và gặt hái được những thành tựu đáng kể, phải tính từ cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo năm 1986. Trải qua ba mươi năm, việc nghiên cứu chủ nghĩa hiện thực đã được đổi mới từ cơ sở nghiên cứu, đến quan điểm nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu. Sự đổi mới này một mặt giúp cho việc nhận thức chủ nghĩa hiện thực ngày một hoàn thiện hơn, mặt khác, giúp cho nền nghiên cứu văn học của Việt Nam ngày càng tiến bộ hơn, có thể bắt kịp với sự phát triển của các nền nghiên cứu văn học tiên tiến trên thế giới.*

**Từ khóa:** *chủ nghĩa hiện thực, cơ sở nghiên cứu, quan điểm nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu.*

Chủ nghĩa hiện thực là một hiện tượng quan trọng trong đời sống văn học. Còn có nhiều cách lí giải khác nhau về khái niệm và lịch sử hình thành, nhưng với tư cách là một hiện tượng lịch sử - cụ thể ra đời ở Tây Âu vào thế kỉ XIX, chủ nghĩa hiện thực đã trở thành một trào lưu phát triển mạnh mẽ vào bậc nhất trong tiến trình văn học thế giới, cống hiến cho nhân loại những tác phẩm xuất sắc, những nhà văn ưu tú, đồng thời, trở thành một vấn đề được học giới quan tâm nghiên cứu. Ngay ngày đầu đặt chân đến Việt Nam, chủ nghĩa hiện thực đã nhận được sự quan tâm sâu sắc. Việc nghiên cứu chủ nghĩa hiện thực đã từng bước được đổi mới, đặc biệt là từ công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng năm 1986. Trải qua ba mươi năm, 1986 - 2016, việc nghiên cứu vấn đề chủ nghĩa hiện thực đã có những chuyển biến tích cực và đem lại những thành quả đáng khích lệ.

Việc nghiên cứu chủ nghĩa hiện thực được đổi mới ở nhiều phương diện khác nhau, đem lại nhận thức khá mới mẻ và toàn diện về chủ nghĩa hiện thực. Ở đây, chúng tôi chủ yếu trình bày ba phương diện chính, bao gồm đổi mới cơ sở nghiên cứu, quan điểm nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu.

## 1. ĐỔI MỚI CƠ SỞ NGHIÊN CỨU

Việc nghiên cứu chủ nghĩa hiện thực ở Việt Nam được tiến hành chủ yếu trên nền tảng tư tưởng văn nghệ Marxist. Thâm nhập vào Việt Nam khoảng những năm của thế kỷ XX, tư tưởng Marxist đã được giới thiệu công khai trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ (1936 - 1939) và đã được quán triệt một cách sâu rộng vào sinh hoạt văn nghệ Việt Nam. Phản ánh luận là cơ sở cho đường lối văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam, trở thành kim chỉ nam cho hoạt động sáng tạo lẫn nghiên cứu.

Lý luận văn nghệ Marxist có mối liên hệ mật thiết đến sự phát triển của chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam, bởi đây là tư tưởng lý luận quan tâm đến nguồn gốc, bản chất và quy luật phát triển của văn học gắn với hiện thực đời sống, từ đó, quy định nên chỗ đứng và thái độ của nhà văn và chức năng của văn học,... tạo nên một nền văn học xem trọng *nội dung tính, hiện thực tính và giai cấp tính* [3, tr.148]. Những đặc điểm này cũng chính là đặc điểm của văn học hiện thực chủ nghĩa. Hơn nữa, hoạt động của các nhà nghiên cứu nhằm quảng bá cho chủ nghĩa Marxist đã góp phần kích thích sự phát triển của chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam thời kì trũng nước và làm điểm tựa cho nghiên cứu lý luận, phê bình và lịch sử văn học nói chung và nghiên cứu chủ nghĩa hiện thực nói riêng từ đó về sau.

Tuy nhiên, trước khi đến với mỹ học và lý luận văn học, các nhà lý luận văn học Marxist ở các nước châu Âu đã được thừa hưởng những di sản triết học và mỹ học đồ sộ. Trong khi đó, các nhà lý luận Việt Nam, khi đến với lý luận văn nghệ Marxist, trước hết là những chiến sĩ trên mặt trận văn hóa văn nghệ, lấy việc truyền bá quan điểm của Đảng làm mục đích nên công việc nghiên cứu nhiều khi mang đậm màu sắc chính trị.

Hơn nữa, do đến với văn học Việt Nam khi nhân dân Việt Nam phải đương đầu với thực dân, đế quốc xâm lược, khi cuộc đấu tranh ý thức hệ đang diễn ra gay gắt, vì thế, phản ánh luận đã được vận dụng sao cho phù hợp với tình hình xã hội và đáp ứng được yêu cầu của cách mạng lúc bấy giờ nên có phần chủ quan. Tư tưởng “văn nghệ phục vụ chính trị”, văn nghệ là “công cụ đấu tranh giai cấp”... được tuyệt đối hóa, khiến cho sáng tác văn học ngày càng nghèo nàn và thiếu sức sống, lý luận và phê bình văn học trở nên phiến diện, quan phương. Vì vậy, nhận thức lại những quan điểm văn nghệ Marxist cũng là một nhu cầu cấp thiết và được tiến hành thường xuyên. Trước năm 1975, lý luận văn nghệ Marxist đã trải qua không ít lần được nhìn nhận lại, như cuộc tranh luận văn nghệ Việt Bắc (1949), cuộc tranh luận xung quanh tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu (1955), cuộc đấu tranh chống Nhân văn - Giai phẩm (1957), cuộc trao đổi ý kiến về biểu hiện thực tế cuối những năm 50, đầu những năm 60, chống tô hồng và bôi đen, vấn đề phá vỡ logic cuộc sống năm 1962, vấn đề tính chân thật năm 1974...

Từ sau năm 1975, đời sống văn học có một sự thay đổi lớn. Nếu như trong sáng tác có một sự thay đổi trong cảm hứng về hiện thực thì trong lý luận, phê bình cũng xuất hiện nhu cầu nhận thức lại vấn đề phản ánh hiện thực. Trải qua một thời kì phát triển của văn học cách mạng, bên cạnh cảm hứng chung khẳng định mạnh mẽ những thành tựu đã đạt được, đã xuất hiện ý muốn thay đổi cách viết cho khác trước. Trước 1986, một số nhà văn cảm thấy cần thay đổi

trong nhận thức cũng như thể hiện. Người khởi đầu có lẽ là Nguyễn Minh Châu với bài viết *Viết về chiến tranh (Văn nghệ quân đội, 11/1978)*, và Hoàng Ngọc Hiến, với bài *Về một đặc điểm của văn học nghệ thuật nước ta trong giai đoạn vừa qua (Văn nghệ, 23/ 1979)*. Nếu như bài viết của Nguyễn Minh Châu mang tính châm ngòi, thì bài viết của Hoàng Ngọc Hiến đã thực hiện một vụ nổ, gây chấn động cả giới sáng tác lẫn lý luận, phê bình. Nhiều nhà văn, nhà nghiên cứu đã vào cuộc để mổ xẻ quan điểm của Hoàng Ngọc Hiến như Hà Xuân Trường, Trần Độ, Lê Xuân Vũ, Hoàng Trinh, Chế Lan Viên, Tô Hoài, Chính Hữu,... Mặc dù còn nhiều tranh cãi nhưng đã thấy lớn dần lên ý thức “phủ định” đối với một nền văn học *duy tính*, văn học *(chưa) bước qua lời nguyện*, văn học *cán bộ*, văn học *không tài*, văn học *xi - rô*...

Như vậy, nhu cầu đổi mới nghiên cứu văn học đã có từ trước và không khí đổi mới cũng đã rất sôi nổi. Năm 1986, khi Đảng khởi xướng công cuộc đổi mới từ Đại hội X đại biểu toàn quốc lần thứ VI, các nhà văn và các nhà nghiên cứu lại tiếp tục hưởng ứng. Nguyễn Minh Châu tiếp tục viết bài *Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa (Văn nghệ, 49/1987)*, tạo nên cuộc tranh luận văn học với sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu như Phan Cự Đệ, Hà Xuân Trường, Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Đăng Mạnh, Đinh Xuân Dũng, Ngô Thảo, Lại Nguyên Ân, Hoàng Dũng, Tế Hanh, Mai Ngữ, Lê Ngọc Trà,... Tạp chí Văn học cũng tổ chức một hội nghị bàn tròn để giải đáp câu hỏi này. Bên cạnh Nguyễn Minh Châu, Lại Nguyên Ân cũng viết bài *Mấy ý kiến về phê bình văn học (Quân đội nhân dân, 7/1987)* nhằm nêu lên những bất cập trong phê bình văn học với lối phê bình “quyền uy” và phê bình “xu phụ”, từ đó, đề nghị cần tạo không khí dân chủ, đề cao thái độ phân tích khách quan và tinh thần đối thoại trong phê bình.

Những ý kiến trên chủ yếu tập trung vào khái niệm *hiện thực* và mệnh đề *phản ánh hiện thực* trong giai đoạn văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa thế kỉ XX, tức với thực tế trước mắt của văn học Việt Nam, để chỉ ra cách hiểu giáo điều và việc vận dụng máy móc những vấn đề này, đã khiến văn học ngày càng đánh mất tính chân thực. Tiếp đó, bằng hai bài viết trên báo *Văn nghệ, Văn nghệ và chính trị* (1987) và *Về vấn đề văn học phản ánh hiện thực* (1988), Lê Ngọc Trà đã “tiến công” vào những khái niệm, tôn chỉ của chính chủ nghĩa hiện thực thế kỉ XIX, khi yêu cầu nhận thức lại những ý kiến về văn nghệ của Marx, Engels và Lenin, cho rằng văn học không phản ánh hiện thực mà là “nghiên ngẫm hiện thực”, cho phản ánh không phải là chức năng mà là thuộc tính của văn học. Những ý kiến của Lê Ngọc Trà làm nảy sinh nhiều luồng ý kiến khác nhau, dẫn đến cuộc tranh luận văn học. Tại Hội thảo bàn tròn *Văn học và hiện thực*, ý kiến của Lê Ngọc Trà đã nhận được sự ủng hộ của nhiều nhà nghiên cứu như Trương Đăng Dung, Nguyễn Nghĩa Trọng, Nguyễn Huệ Chi, Đỗ Lai Thúy, Bùi Việt Thắng, Lã Nguyên, Đỗ Văn Khang,... và những người phản đối, bao gồm Lê Xuân Vũ, Phan Cự Đệ,... hay vừa đồng tình vừa phản đối như Hà Minh Đức, Phương Lưu, Nguyễn Văn Dân, Phong Lê,... Sau hội thảo này, cuộc tranh luận lại tiếp tục nổ ra khi cuốn *Lý luận và văn học* của Lê Ngọc Trà được trao giải Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1991. Năm 1992, Trần Thanh Đạm viết bài *Khái niệm phản ánh và hiện thực trong luận đề văn học phản ánh hiện thực* đăng trên *Văn nghệ thứ Bảy số 31* (1996) để phản đối Lê Ngọc Trà và giải thích lại vấn đề văn học phản ánh hiện thực

trên cả hai bình diện *giải thích* và *chuẩn mực*. Ngược lại, xuất phát từ thực tế sáng tác của mình, nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đã tán thành quan điểm đề cao vai trò của chủ thể sáng tạo trong bài viết *Nhà văn và bốn trùm “mafia”*, đăng trên *Tạp chí Sông Hương* năm 1992. Năm 2003, Lại Nguyên Ân còn quay trở lại vấn đề này trong *Sống với văn học cùng thời*, với ý kiến ủng hộ quan niệm của Lê Ngọc Trà, coi phản ánh hiện thực là thuộc tính của văn học nói chung và là chức năng của văn học hiện thực nói riêng.

Trần Đình Sử cũng là người có ý kiến với những bài viết của Lê Ngọc Trà, nhưng qua đó, ông còn đẩy mạnh nghiên cứu nhằm đổi mới lí luận Marxist ở Việt Nam. Ông cho rằng ở giai đoạn Lenin, phản ánh luận nghiêng về giải quyết phương diện khách quan của phản ánh; còn phương diện chủ quan thì được nghiên cứu sâu từ những năm 60 của thế kỷ XX về sau. Ông đã dành rất nhiều tâm sức để nghiên cứu và tham gia giải quyết vấn đề này, như đề tài cấp Nhà nước *Về một số vấn đề lí luận văn nghệ cơ bản đang được tranh luận thông qua công cuộc đổi mới* (1993), bài *Phương diện chủ quan của phản ánh và đặc trưng của văn nghệ* (*Tạp chí Cộng sản* số 4, 1995) (sau được tập hợp trong *Lý luận và phê bình văn học - những vấn đề và quan niệm hiện đại*, giải thưởng văn học Hội nhà văn Việt Nam năm 1997), bài *Văn học như là tư duy về cái khả nhiên* (*Sông Hương*, số 231-05-2008), bài *Văn học và hiện thực trong tầm nhìn hiện đại* (Hội nghị khoa học về *Văn học phản ánh hiện thực đất nước hôm nay*, ngày 12-7-2010), bài *Phản ánh tức là kiến tạo* (*Kiểm bản phản ánh luận trong tầm nhìn hiện đại*) (2012). Qua đó, Trần Đình Sử cho thấy phản ánh luận, với tư cách là lí luận nhận thức, đã chỉ ra được cội nguồn hiện thực của văn học, là một trong nhiều lí thuyết nhận thức và do đó có ý nghĩa trong một phạm vi nhất định đối với lí thuyết nghệ thuật, nhưng ông cũng chỉ ra hạn chế của Phản ánh luận của Lenin là chỉ nhắm tới giải quyết một vấn đề riêng, một phạm vi hẹp, là khẳng định cơ sở duy vật của lí luận nhận thức, chống lại các lí thuyết duy tâm chủ quan, bất khả tri, chứ chưa phải giải quyết toàn bộ lí thuyết nhận thức, chưa chú ý đến vai trò của chủ thể nhận thức và sáng tạo. Ông cho rằng lí luận phản ánh hiện đại trên cơ sở vẫn giữ nguyên các nguyên lí cơ bản của Marx, Engels, Lenin, đã được nghiên cứu sâu thêm nhiều về phương diện chủ quan của phản ánh, cơ chế của phản ánh, hệ hình của phản ánh, chủ thể của phản ánh, sáng tạo của phản ánh. Hơn nữa, theo ông, phản ánh luận nếu được hiểu sâu sắc và toàn diện, không hề bài xích các học thuyết khác, mà có thể bao dung và đặt chúng vào vị trí cần phải có. Có thể nói, với sức đọc khỏe (ông đã đọc rất nhiều lí thuyết hiện đại), với tư duy lí luận sắc bén và quyết tâm đi đến tận cùng vấn đề, Trần Đình Sử đã đóng góp rất nhiều trong việc hoàn thiện, bổ sung lí luận Marxist ở Việt Nam, kết nối với sự đổi mới lí luận văn nghệ Marxist trên thế giới.

Bên cạnh những nghiên cứu nhằm đổi mới việc tiếp thu và vận dụng lí luận văn nghệ Marxist trong nước, nhiều nhà nghiên cứu còn dịch thuật, giới thiệu những thành quả đổi mới lí luận văn nghệ Marxist trên thế giới. Nhờ những người đóng vai trò là cầu nối như Lộc Phương Thủy (“Tác động của lí luận văn học nước ngoài đối với lí luận văn học Việt Nam” - *Nghiên cứu văn học* số 1/2005), *Lý luận phê bình văn học thế giới thế kỉ XX* (Giáo dục, 2007), Phương Lưu (“Để hiểu thêm chủ nghĩa hiện thực vĩ đại của Lukacs”, *Nghiên cứu văn học*, 6/2006, “Về chủ nghĩa hiện thực hiện đại của E. Fischer”, *Nghiên cứu văn học*, 11/ 2006), Trần Nho Thìn

(“Thông tin bước đầu về ứng xử của giới lý luận quốc tế đối với các lý thuyết văn học trong thế kỷ XX”, *Nghiên cứu văn học* số 1/2005), Nguyễn Văn Dân (*Vì một nền phê bình chất lượng cao* – NXB Khoa học xã hội, 2005), “Ảnh hưởng của chủ nghĩa hiện đại đến văn học thế giới và văn học Việt Nam”, *Văn học nước ngoài* (8/2012), Trương Đăng Dung (“Đặc trưng mỹ học - Từ chủ nghĩa hiện thực đến đặc trưng mỹ học của Lukác”, *Văn học nước ngoài*, 5/1998, “Những đặc điểm của hệ thống lý luận Mácxit thế kỷ XX”, *Văn học*, 7/2001)... chúng ta biết đến lí luận văn nghệ Marxist ở phương Tây vẫn tiếp tục được nghiên cứu với những tên tuổi như Plekhanov, G. Lukacs, Ch. Caudwell, L. Goldmann, E. Fischer, R. Garaudy, Macherey,... Mặc dù khi chú ý đến mối quan hệ khách thể - chủ thể trong sự phản ánh, đến mô hình nắm bắt sự chuyển dịch từ hiện thực đến tác phẩm văn học, xem xét văn học trong mối liên hệ với hiện thực, mỗi học giả trên đều có cách kiến giải riêng, nhưng đều nhấn mạnh yếu tố chủ quan trong sáng tạo nghệ thuật.

Bên cạnh đó, nhờ những nhà nghiên cứu, những dịch giả như Lê Huy Tiêu (“Giới lý luận phê bình Trung Quốc thảo luận về chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa” - *Nghiên cứu văn học*, 1/2005), *Tiểu thuyết Trung Quốc thời kì cải cách mở cửa* (NXB Giáo dục Việt Nam, 2011), Phạm Tú Châu (“Nhìn lại cuộc tranh luận văn nghệ thời kỳ mới”, dịch Vương Văn Thành, *Văn học*, (6/1995), “Sự khác nhau về bản chất giữa Trung Quốc và phương Tây về chủ nghĩa hiện thực”, dịch Kim Thanh, *Văn học*, 7/1997)... chúng ta biết đến công cuộc đổi mới nghiên cứu văn học ở Trung Quốc, một nền nghiên cứu lớn ở bên cạnh chúng ta, đã diễn ra rất mạnh mẽ như thế nào, biết được lí luận văn nghệ Marxist và nhận thức về chủ nghĩa hiện thực đã thay đổi nhanh chóng để bắt kịp với phương Tây, qua những tên tuổi như Lý Trạch Hậu, Khiết Mẫn, Ba Kim, Vương Xuân Nghiêm, Trương Khổng Dương, Từ Tuấn Tây, Trương Quýnh, ...

Nói tóm lại, tuy là một nền lý luận khách quan, khoa học, có đóng góp quan trọng đối với nền văn nghệ cách mạng Việt Nam, đồng thời góp phần phát hiện và đề cao văn học hiện thực chủ nghĩa nhưng lý luận văn nghệ Marxist cũng có những giới hạn đòi hỏi được bổ sung, hoàn thiện. Yêu cầu đó đã sớm được các nhà lý luận văn nghệ Marxist phương Tây ý thức và thực hiện. Kết quả mang lại rất đáng khích lệ và đã lan tỏa sang các nước khác, trong đó có Việt Nam, tạo nên làn sóng đổi mới lý luận văn nghệ Marxist nói riêng và lý luận văn học nói chung. Sự tiếp cận vấn đề một cách năng động như vậy cho phép chúng ta vừa lưu giữ được những yếu tố tích cực, tiến bộ vừa kịp thời bổ sung những chỗ thiếu hụt, sửa đổi những chỗ hạn chế của hệ thống lý luận văn nghệ Marxist đã ra đời hơn một thế kỉ qua. Sự đổi mới này đã có tác dụng tạo tiền đề cho sự đổi mới nghiên cứu văn học nói chung và nghiên cứu chủ nghĩa hiện thực nói riêng, từ thay đổi quan điểm tiếp cận đến phương pháp nghiên cứu.

## 2. ĐỔI MỚI QUAN ĐIỂM NGHIÊN CỨU

Việc vận dụng lý luận văn nghệ Marxist một cách sơ lược, máy móc đã dẫn đến việc đề cao chủ nghĩa hiện thực tới mức có khi đã trở thành một phạm trù giá trị trong nghiên cứu văn học.

Có thể nói, mặc dù không phát biểu trực tiếp, nhưng nhiều nhà nghiên cứu văn học sử dụng như quan niệm rằng một tác phẩm mà hàm lượng hiện thực càng cao thì giá trị càng lớn. Vì vậy, khi chấp bút viết các công trình lịch sử văn học, họ luôn có ý thức tìm kiếm những yếu tố hiện thực hay bóng dáng của thời đại trong văn học. Điều này đã diễn ra trong bộ phận nghiên cứu lịch sử văn học nước ngoài. Chẳng hạn, các tác giả cuốn *Lịch sử văn học phương Tây* (Giáo dục, 2005) đã nêu bật giá trị hiện thực của hai bộ sử thi *Illiad và Odysse* của Homère, bộ ba vở kịch *Orexti* của Esin, *Eudip làm vua* của Sophocle và kịch của Euripide; các tác giả cuốn *Lịch sử văn học Nga* (NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1982) cho rằng văn học Nga từ thế kỷ X đến thế kỷ XVII, ngày càng bộc lộ rõ xu hướng thế tục hóa, thể hiện nếp sống sinh hoạt và những biến động xã hội Nga. Đặc biệt, vào thời kì cuối cùng của giai đoạn này, “*những yếu tố hiện thực chủ nghĩa nảy nở*”. Với văn học Trung Quốc, các nhà nghiên cứu còn thừa nhận sự xuất hiện của văn học hiện thực từ *Kinh thi*, đến tác phẩm *Hồng lâu mộng*, *Chuyện làng nho* thì đã có nhiều yếu tố tương đồng với các tác phẩm văn học hiện thực châu Âu thế kỷ XVIII, XIX.

Biểu hiện rõ hơn cả là trong các công trình lịch sử văn học Việt Nam. Đơn cử như cuốn *Văn học Việt Nam - (Nửa cuối thế kỷ XVIII - hết thế kỷ XIX)* của Nguyễn Lộc (NXB Giáo dục, 1997). Tác giả cho rằng đến nửa cuối thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX, vấn đề khái quát hóa cuộc sống đã được đặt ra như một nguyên tắc thẩm mỹ, mặc dù còn có những hạn chế trong *khả năng nhận thức và hình thức phản ánh*. Dựa trên quan điểm đó, Nguyễn Lộc đã đánh giá, khen chê các tác giả, tác phẩm cụ thể như *Cung oán ngâm* của Nguyễn Gia Thiều, thơ Nôm Hồ Xuân Hương và thơ chữ Hán Cao Bá Quát, *Hoàng Lê nhất thống chí* hay *Truyện Kiều*. Tình hình cũng diễn ra tương tự trong cuốn *Lịch sử văn học Việt Nam*, tập V, *Văn học giai đoạn 1930 - 1945* (Giáo dục, 1978), ...

Nhìn chung, khi khảo sát các giai đoạn văn học trước khi chủ nghĩa hiện thực xuất hiện chính thức vào những năm 30 thế kỉ XX tại Việt Nam, các nhà nghiên cứu thường xem yếu tố hiện thực, tính chất hiện thực, giá trị hiện thực như một tiêu chí quan trọng để đánh giá. Theo đó, những giai đoạn, sáng tác nào phản ánh được nhiều sự thực của đời sống, những nhà văn nào thể hiện rõ ý thức xã hội thì được đánh giá cao, ngược lại, những yếu tố làm giảm, làm nghèo tính chất hiện thực của một hiện tượng văn học nào đó đều bị nêu tên.

Tình trạng ấy đã khiến một số nhà nghiên cứu phải lên tiếng. Nhiều nhà nghiên cứu như Trần Đình Hượu, trong *Thực tại, cái thực và vấn đề chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam trung cận đại (Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại)*, (Giáo dục, 1999), Bùi Duy Tân, trong *Khảo và luận một số thể loại - tác gia - tác phẩm trung đại Việt Nam* (NXB Giáo dục, 1999), Đào Xuân Quý trong *Lại bàn về chủ nghĩa hiện thực trong Truyện Kiều (Văn học,*

9/2000), Trần Nho Thìn trong *Giảng dạy văn học trung đại nhìn từ góc độ văn hóa học* (NXB Giáo dục, 2003), Phạm Quang Long, trong bài *Về sự hình thành chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam* (*Nghiên cứu văn học*, 1/2005), Đỗ Lai Thúy trong *Phê bình văn học – con vật lưỡng thể ấy* (Hội Nhà văn, 2011),... phản đối việc dùng tiêu chuẩn của phương Tây hiện đại để đánh giá văn học Việt Nam, nhất là văn học cổ. Họ không những chỉ ra biểu hiện, mà còn tiến tới trừ liệu hậu quả và giải thích nguyên nhân. Mỗi người có những kiến giải riêng nhưng đều có mong muốn chung là tiến tới trả lại đúng giá trị cho văn học.

Một khi chủ nghĩa hiện thực được xem là phạm trù giá trị thì sẽ dẫn đến nguy cơ có sự lấn lướt của giá trị hiện thực đối với giá trị nhân đạo, một phạm trù giá trị đích thực của văn học. Một số nhà nghiên cứu cho rằng không phải là hiện thực mà là nhân đạo, mới là giá trị tối cao của văn học. Thử theo tinh thần của cuộc tranh luận về vấn đề này trong những năm 1960 ở Nga, một số nhà nghiên cứu của Việt Nam cũng lên tiếng để khẳng định rằng chính tinh người đã hàn gắn thế giới, kết nối con người, đưa con người đến gần nhau hơn. Vì vậy, phạm trù giá trị nhân đạo, mẫu số chung của các giá trị nhân bản, nhân văn, đã được các nhà nghiên cứu trao cho vị trí cao nhất, như Nguyễn Văn Hạnh trong bài *Về nội dung khái niệm chủ nghĩa hiện thực trong văn học* (*Văn học*, 1/1987), Nguyễn Minh Châu trong *Trang giấy trước đèn* (NXB Khoa học xã hội, 2002, tr.149), Trần Thanh Đạm trong *Chủ nghĩa hiện thực và văn học hiện đại* (2003), Lê Ngọc Trà trong *L.N.Tolstoi, nghệ sĩ và nhà tư tưởng* (*Nghiên cứu văn học*, 1/2011, tr.26), Nguyễn Hải Hà trong *Thi pháp tiểu thuyết L.Tolstoi* (*Độc chiến tranh và hòa bình*), (NXB Giáo dục, 1992, tr.174), Lê Nguyên Cẩn trong *Nghệ thuật tự sự trong tác phẩm của Honore de Balzac* (NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr. 47, tr.50), Đào Tuấn Ảnh trong *Nam Cao – con người và tác phẩm* (Hội nhà văn, 2002, tr. 224), Trần Đăng Suyền trong *Chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX*, NXB Khoa học xã hội (2010, tr.37), ... Nói tóm lại, mối quan hệ giữa chủ nghĩa nhân đạo với chủ nghĩa hiện thực vốn đã được nhìn nhận trước đây, nhưng tính chất, mức độ của mối quan hệ ấy đã được quan niệm lại. Đó không phải là quan hệ đồng đẳng, càng không phải là quan hệ phụ thuộc của chủ nghĩa nhân đạo đối với chủ nghĩa hiện thực, mà ngược lại, hiện thực chỉ là một biểu hiện, một cách thức để thể hiện giá trị nhân đạo mà thôi.

Một biểu hiện thứ hai của việc đề cao chủ nghĩa hiện thực là để tôn vinh văn học hiện thực, các nhà nghiên cứu cũng thường đặt trào lưu này trong sự đối sánh với các trào lưu văn học khác. Trong nghiên cứu lịch sử văn học Việt Nam thế kỷ XX, chủ nghĩa lãng mạn thường trở thành đối trọng trong tương quan với chủ nghĩa hiện thực, nếu không muốn nói là điểm tựa để nâng cao giá trị cho chủ nghĩa hiện thực. Trước tình hình ấy, nhiều nhà nghiên cứu đã đấu tranh cho việc khôi phục lại vị trí đáng có của các dòng văn học này. Phong Lê (*Văn học trên hành trình thế kỷ XX - Đại học Quốc gia*, 1997), *Hiện đại hóa và đổi mới văn học thế kỷ XX - Đại học Quốc gia*, 2009) cùng nhiều nhà nghiên cứu khác cũng lên tiếng bênh vực cho chủ nghĩa lãng mạn, thể hiện qua sự ra đời của hàng loạt công trình nghiên cứu công phu nhằm đánh giá lại văn học lãng mạn Việt Nam. Từ *Phong trào Thơ Mới 1932-1945* của Phan Cự Đệ (NXB Khoa học, 1966) đến *Thơ Mới, những bước thăng trầm* của Lê Đình Kỵ (*Văn nghệ thành phố*

Hồ Chí Minh, 1988), *Nhìn lại cuộc cách mạng trong thi ca* do Huy Cận, Hà Minh Đức chủ biên (NXB Giáo dục, 1993), *Một thời đại trong thi ca* của Hà Minh Đức (NXB Khoa học xã hội, 1997) và *Về một cuộc cách mạng trong thi ca – Phong trào Thơ Mới* của Phan Cự Đệ (NXB Giáo dục, 2007) đã có những bước tiến đáng kể trong việc nhìn nhận giá trị và đóng góp của Thơ Mới đối với tiến trình hiện đại hóa văn học dân tộc. Cùng với đó, đóng góp của Tự lực văn đoàn đối với văn học Việt Nam cũng được yêu cầu nhìn nhận nghiêm túc trong công trình *Tự lực văn đoàn, Trào lưu – tác giả* (NXB Giáo dục, 2007). Hà Minh Đức đã tập hợp được ý kiến của nhiều nhà văn và nhà nghiên cứu, như Tế Hanh (*Cần công bằng ghi nhận phần đóng góp của Tự lực văn đoàn*), Nguyễn Hoàn Khung (*Đọc lại sáng tác văn xuôi của Tự lực văn đoàn*) hay Đỗ Đức Dục (*Một trang văn hiện đại cần được viết lại: Văn học lãng mạn 1930 - 1945*), ... Kể cả Vũ Đức Phúc, Phan Cự Đệ, những nhà nghiên cứu trước đây đánh giá thấp Tự lực văn đoàn, thì nay đã thể hiện những ý kiến khách quan, cởi mở hơn, để có được sự thẩm định công bằng đối với văn đoàn này.

Tương tự như vậy, mối quan hệ bất bình đẳng giữa chủ nghĩa hiện thực với chủ nghĩa tự nhiên và các trào lưu thuộc chủ nghĩa hiện đại cũng được cải thiện nhờ sự lên tiếng của nhiều nhà nghiên cứu. Phong Lê (*Nam Cao - Người kết thúc vẻ vang trào lưu văn học hiện thực*, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003, tr.100), Lương Duy Thứ (*Mấy vấn đề thi pháp Lỗ Tấn* (NXB Đại học Quốc gia, 2005), Phương Lựu (“Đề hiểu thêm chủ nghĩa hiện thực vĩ đại của Lukacs” (*Nghiên cứu văn học*, 6/2006, tr.17), Trần Thị Phương Phương (*Tiểu thuyết hiện thực Nga thế kỷ XIX* (NXB Khoa học xã hội, 2006, tr.182), Lê Ngọc Tân trong *Chủ nghĩa tự nhiên Zola và tiểu thuyết* (NXB Hội Nhà văn, 2002, tr.281), ... đều thể hiện sự trân trọng những đóng góp của các trào lưu văn học thuộc chủ nghĩa hiện đại cũng như của chủ nghĩa tự nhiên đối với tiến trình văn học thế giới.

Đối với văn học Việt Nam, các nhà nghiên cứu còn nhận thấy dấu ấn của các chủ nghĩa hiện đại và hậu hiện đại phương Tây trong một số sáng tác. Đặng Anh Đào nhận thấy “có sự gặp gỡ kì lạ” giữa những trang sách của Beckett (*Malone chết*) với một số trang của *Phiên chợ Giát* của Nguyễn Minh Châu. Nguyễn Văn Dân lại thấy ở đó bóng dáng của “dòng chảy ý thức” của M. Proust. Việc hóa giải huyền thoại về sự vĩ đại của nền văn minh Việt trong *Vàng lửa* của Nguyễn Huy Thiệp cũng học tập việc Camus hóa giải huyền thoại về thân phận cao cả của con người trong *Huyền thoại Sisyphé*. Một số tác phẩm của Phạm Thị Hoài, theo Nguyễn Văn Dân, cũng tiếp thu văn học phi lí ở cả hình thức lẫn nội dung. *Chín bó làm mười* được cho là đã học tập cách viết của Kafka trong *Mười một người con trai*; chủ đề mê cung của Kafka cũng được đặt tên cho tập truyện ngắn *Mê lộ* (1989) của bà. Tình trạng tha hóa, khước từ “lối sống bầy đàn” của nhân vật trong *Tổ khúc bốn mùa*, thái độ từ chối bất kì bộ đồng phục nào, con người “không có chứng chỉ” trong *Thiên sứ* giống với nhân vật trong *Kẻ xa lạ* nói riêng và nhân vật vô danh trong văn học phi lí nói chung. Thế giới siêu thực trong *Tiệm may Sài Gòn*, *Thực đơn chủ nhật* lại khiến độc giả liên tưởng đến thế giới trong kịch Ionesco và hội họa siêu thực của Salvador, ...



Như vậy, trước sự lên tiếng về sự thiên vị trong nghiên cứu văn học của các nhà lý luận trước đổi mới, vị trí của chủ nghĩa hiện thực trong mối quan hệ với các phương pháp sáng tác khác đã được nhận thức lại một cách công bằng, khách quan hơn.

Đối với bản thân văn học hiện thực phê phán, tinh thần đề cao trào lưu văn học này được thể hiện qua việc đánh giá các tác giả, tác phẩm cụ thể. Nhìn chung, các nhà văn hiện thực đều được đánh giá cao ở việc mở rộng đề tài, nhất là phơi bày thực trạng xã hội đen tối, ở tinh thần nhân đạo, nhất là tố cáo những thế lực áp bức và bênh vực những người thấp cổ bé họng, ở những đóng góp về nghệ thuật, nhất là việc xây dựng được những nhân vật điển hình và phát triển thể loại truyện ngắn và tiểu thuyết. Tuy nhiên, những nhà văn có sự phức tạp trong thế giới quan và trong phong cách đều dẫn đến sự phức tạp trong phê bình, nhất là với Nguyễn Công Hoan và Vũ Trọng Phụng. Như vậy, ngay cả với các nhà văn hiện thực chủ nghĩa, việc phê bình cũng không dễ thở chút nào, vẫn có một cây kéo nghiêm nhặt sẵn sàng cắt đi những chỗ bị cho là đi chệch khỏi quỹ đạo của chủ nghĩa hiện thực. Phải đến sau Đổi mới, hạn chế này mới được khắc phục. Chẳng hạn, nếu như trước đó, sáng tác của Vũ Trọng Phụng bị gán cho là khiêu dâm, trokyst, cần đưa ra khỏi chương trình sách giáo khoa phổ thông và đưa vào khu vực “đặc biệt” của thư viện, phải tiếp thu có phê phán để tránh ảnh hưởng tai hại, không nên trình bày với cán bộ và sinh viên,... thì về sau, một số đồng nghiệp của Vũ Trọng Phụng như Nguyễn Hồng, Nguyễn Công Hoan, Chế Lan Viên, Nguyễn Khải,... cùng những nhà nghiên cứu khác Hoàng Thiều Sơn, Phong Lê, Nguyễn Đăng Mạnh, Văn Tâm,... đã bênh vực ông. Đã có những hội thảo được tổ chức cho riêng ông như hội thảo *Di sản Vũ Trọng Phụng trong sự nghiệp đổi mới của chúng ta* (1987), *Hội thảo tưởng niệm 50 năm ngày mất Vũ Trọng Phụng* (1989), *Hội thảo tưởng niệm 100 năm ngày sinh Vũ Trọng Phụng* (2012). Đã có cuốn sách dành cho ông như *Tuyển tập Vũ Trọng Phụng* do Nguyễn Đăng Mạnh biên soạn (NXB Văn học, 1987), *Vũ Trọng Phụng – Tài năng và sự thật*, do Lại Nguyên Ân sưu tầm và biên soạn (NXB Văn học, 1997) và *Nhà văn Vũ Trọng Phụng với chúng ta* của Trần Hữu Tá (Thành phố Hồ Chí Minh, 1999)... tập hợp nhiều bài phê bình có giá trị về tác phẩm và tài năng, nhân cách của Vũ Trọng Phụng. Như vậy, sau năm 1986, việc phê bình đối với Vũ Trọng Phụng đã khắc phục được tình trạng áp đặt, võ đoán, cho phép nhận chân những đóng góp của Vũ Trọng Phụng cho nền văn học Việt Nam nói chung và cho chủ nghĩa hiện thực nói riêng.

Nhìn rộng ra, chúng ta có thể thấy, với việc phê bình các nhà văn hiện thực Việt Nam, những hiện tượng trước đây bị coi là phức tạp, có vấn đề như Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, về sau này được đánh giá lại khách quan, công bằng hơn. Bên cạnh đó, theo Lê Thị Dục Tú, trong *Hành trình của nghiên cứu – phê bình văn học Việt Nam thế kỷ XX*, những nhà văn vốn được xếp hạng ổn định như Ngô Tất Tố, Nam Cao được nghiên cứu phong phú hơn; những tác giả ít được chú ý trước đây như Nguyễn Đình Lạp, Thanh Châu, Ngọc Giao, Vũ Bằng, Lê Văn Trương, Tam Lang... được quan tâm hơn; những nhà văn trước đây còn lúng túng trong việc xếp vào lãng mạn hay hiện thực như Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng, Tô Hoài nay được nghiên cứu sâu sắc, kĩ lưỡng hơn...

Như vậy, việc đổi mới nghiên cứu bản thân văn học hiện thực lẫn quan hệ của nó với các trào lưu văn học khác đã giúp cho nghiên cứu văn học có dịp xem xét lại những vấn đề bất cập, những trường hợp phê bình đã trở thành “vụ án”, từ đó, bổ khuyết những trang lịch sử văn học còn có nhiều khoảng trống. Hơn nữa, trong các nghiên cứu về sau, thái độ nghiên cứu đã cởi mở hơn, cho phép nhìn thấy sự giao thoa giữa các trào lưu, phương pháp sáng tác trong cùng một tác giả, tác phẩm cụ thể.

Trái ngược với khuynh hướng đề cao chủ nghĩa hiện thực hơn các chủ nghĩa khác thì cũng có khuynh hướng xem nhẹ chủ nghĩa hiện thực so với chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa. Tình trạng này làm nảy sinh nhu cầu nhận thức lại vấn đề chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, cùng mối quan hệ của phương pháp sáng tác này với chủ nghĩa hiện thực. Các nhà nghiên cứu như Phạm Vĩnh Cư (“Suy nghĩ và kiến nghị xung quanh vấn đề đổi mới lý luận văn học”, *Nghiên cứu văn học*, 12/2004, tr.21), Phong Lê (*Nhận thức lại vị trí của chủ nghĩa hiện thực và vấn đề chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa trong Văn học trên hành trình thế kỷ XX*, tr.419), Nguyễn Văn Dân (*Vì một nền lý luận phê bình văn học chất lượng cao*, NXB Khoa học xã hội, 2005, tr.61)... cho rằng không nên xem chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa là sự phát triển cao hơn, hoàn thiện hơn chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa hiện thực không phải là bộ phận, là tiền thân của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, mà đó là hai phương pháp sáng tác có mối quan hệ đồng đẳng với nhau. Thậm chí, Trần Đình Sử trong bài viết (*Cần đưa khái niệm phương pháp sáng tác ra khỏi lý luận phê bình trong văn học hiện nay*, tham luận hội thảo *Nâng cao chất lượng, hiệu quả phê bình văn học*, 2012) còn yêu cầu nhận thức lại khái niệm phương pháp sáng tác, vốn ra đời cùng với phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa, vì cho rằng khái niệm này không có hạt nhân khoa học vững chắc. Qua việc nhận thức lại ấy, chủ nghĩa hiện thực đã được nhìn nhận trong mối quan hệ bình đẳng hơn với chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, đồng thời được nghiên cứu sâu sắc hơn.

Nếu xem chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa là một biến thể của chủ nghĩa hiện thực vào thế kỉ XX, thì cũng đồng nghĩa với việc phủ nhận đối với các ý kiến cho rằng chủ nghĩa hiện thực đã cáo chung, đã cạn sinh lực hay đã hết vai trò lịch sử của nó vào thế kỉ XIX, với sự ra đời của chủ nghĩa tự nhiên. Thật vậy, những nghiên cứu mới của Đào Tuấn Ảnh (*Chekhov và Nam Cao – một sáng tác hiện thực kiểu mới - Văn học 1/1992*), Phạm Xuân Nguyên (*Nam Cao và sự lựa chọn một chủ nghĩa hiện thực kiểu mới – trong Nghĩ tiếp về Nam Cao*, NXB Hội Nhà văn, 1992), Trần Thanh Đạm (*Chủ nghĩa hiện thực và văn học hiện đại*, 2003), và Lý Thị Quỳnh Anh trong bài *Một số yếu tố của chủ nghĩa hiện thực hiện đại trong nghệ thuật miêu tả tâm lí của Nam Cao*, *Nghiên cứu văn học*, 2/2012), đặc biệt là Phương Lựu (*Chủ nghĩa hiện thực thế kỉ XX trong Tiến trình văn học - Đại học Sư phạm*, 2006)... đã cho thấy chủ nghĩa hiện thực không những không kết thúc số phận lịch sử của nó, mà còn tiếp tục viết nên những trang sử mới, với sự ra đời của chủ nghĩa hiện thực mới, chủ nghĩa hiện thực tâm lí, chủ nghĩa hiện thực cấu trúc, chủ nghĩa hiện thực huyền ảo... Hơn nữa, trong sáng tác của những nhà văn hiện đại như E. Hemingway, J. Joyce,... người ta vẫn nhận thấy dấu vết của chủ nghĩa hiện thực truyền thống. Đó là chưa kể, ở Việt Nam và Trung Quốc, nhiều nghiên cứu cho thấy sau khi văn

học hiện thực xã hội chủ nghĩa mất dần ánh hào quang, văn học hiện thực chủ nghĩa lại “lên nước”.

Như vậy, trong thế kỉ XX, chủ nghĩa hiện thực vẫn còn để lại dấu ấn đậm nét trong sáng tác, do đó, vấn đề chủ nghĩa hiện thực không hề mờ nhạt trong nghiên cứu. Dõi theo con đường phát triển của chủ nghĩa hiện thực trong giai đoạn cuối thế kỷ XIX đến hết thế kỉ XX, ta mới thấy được bước đường khá “truan chuyên” của chủ nghĩa hiện thực. Trải qua bao phen nhận thức lại, chủ nghĩa hiện thực lúc bị cho là đã “cạn sinh lực”, đã “cáo chung”, lúc lại cho là cần “mở rộng”, “phục hồi”, “đào sâu”, lúc lại cho là đã “lên nước”, thành cái để phấn đấu vươn tới... Nhưng có một điều không thể phủ nhận là “chủ nghĩa hiện thực phê phán đến thế kỷ XX vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển với những sắc thái và xu hướng khác nhau. Hơn nữa, chủ nghĩa hiện thực thế kỉ XX tiến sang thế kỷ XXI, nói như Trần Thanh Đạm là *chủ nghĩa hiện thực hiện đại*, khắc phục tính hẹp hòi, phiến diện của chủ nghĩa hiện thực “truyền thống”, không tìm cách phân biệt mình với các tư trào, phương pháp khác mà chiếm lĩnh, tiêu hóa các chủ nghĩa ấy trong “dạ dày rộng lớn và khỏe mạnh” của mình, để giúp con người đi tìm chính mình.

Từ đổi mới quan điểm, các nhà nghiên cứu còn tiến hành đổi mới phương pháp nghiên cứu.

### 3. ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Từ việc nghiên cứu dựa trên những phương pháp, tiêu chí được xác định bởi tư tưởng văn nghệ Marxist trước đây, các nhà nghiên cứu còn tìm kiếm những thành quả nghiên cứu ngoài Marxist với những phương pháp khác nhau. Từ sự tiếp thu thành quả của thi pháp học hiện đại với các bộ phận như thi pháp học, phong cách học, tự sự học, phân tâm học, tiếp nhận văn học, kí hiệu học và ngôn ngữ học..., các nhà nghiên cứu đã vận dụng vào nghiên cứu văn học hiện thực và đã thu được những kết quả đáng khích lệ. Những người đi tiên phong chính là những thầy cô giáo giảng dạy văn học nước ngoài và ngôn ngữ như Đặng Anh Đào, Phùng Văn Tửu, Lê Nguyên Cẩn, Nguyễn Hải Hà, Cao Xuân Hạo,... và một số nhà nghiên cứu như Trần Đình Sử, Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Đăng Mạnh,...

Là một bộ phận của thi pháp học hiện đại, thi pháp học sớm được vận dụng trong nghiên cứu văn học ở Việt Nam. Trần Đình Sử đã vận dụng để nghiên cứu văn học dân gian, văn học trung đại cũng như văn học hiện đại Việt Nam. Riêng chủ nghĩa hiện thực, đã có những công trình nghiên cứu như *Thi pháp truyện ngắn trào phúng Nguyễn Công Hoan* (2001) của Trần Đình Sử và Nguyễn Thanh Tú, *Chủ nghĩa hiện thực Nam Cao* (2001) của Trần Đăng Suyền, *Thi pháp hoàn cảnh trong tác phẩm của Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao* (2001) của Phạm Mạnh Hùng, *Thi pháp tiểu thuyết L. Tolstoi (Độc chiến tranh và hòa bình)* (1992) và *Quan điểm nghệ thuật của Lev Tolstoi (Nghiên cứu Văn học, 12/2010)* của Nguyễn Hải Hà, *Tìm hiểu thi pháp truyện ngắn Gogol* (2001) của Nguyễn Huy Hoàng, *Mấy vấn đề thi pháp Lỗ Tấn và việc giảng dạy Lỗ Tấn trong trường phổ thông* (NXB Đại học Quốc gia, 2005) của Lương

Duy Thứ,... Nói chung, thi pháp học đã mở ra cánh cửa mới cho việc tiếp nhận văn học nói chung và văn học hiện thực chủ nghĩa nói riêng và thu hút sự quan tâm của đông đảo các nhà nghiên cứu.

Vì thi pháp học hiện đại quan tâm đến đặc điểm nghệ thuật trong mối liên hệ với cá tính, sở trường,... của nhà văn nên phong cách học là một bộ phận của thi pháp học hiện đại. Một trong những người bàn đến phong cách sớm nhất để nghiên cứu văn học hiện thực ở Việt Nam là Nguyễn Đăng Mạnh. Trong công trình *Nhà văn Việt Nam hiện đại - Chân dung và phong cách* (NXB Tác phẩm mới, 1983), ông đã bàn đến một phong cách *Trào phúng Nguyễn Công Hoan*, một *Vũ Trọng Phụng “vua phóng sự”*, một *Chủ nghĩa hiện thực Nam Cao*. Bên cạnh Nguyễn Đăng Mạnh, Đỗ Đức Hiểu cũng quan tâm đến việc nghiên cứu phong cách của nhà văn. Trong bài viết *Suy nghĩ về phong cách lớn và phân kì lịch sử văn học Việt Nam (Văn học, 3/1985)*, ông đã đề xuất phân kì lịch sử văn học dựa trên những phong cách lớn. Trong *Đối mới phê bình văn học* (Khoa học xã hội, 1993), sau in trong *Thi pháp hiện đại* (NXB Hội Nhà văn, 2000), ông đã nghiên cứu *Hai không gian sống trong “Sống mòn” của Nam Cao* và *Những lớp sóng ngôn từ trong tiểu thuyết “Số đỏ” của Vũ Trọng Phụng*. Với văn học nước ngoài, Đào Duy Hiệp tìm đến vấn đề *Lev Tolstoi trong “Đi tìm thời gian đã mất” và những quan niệm về phong cách* (*Nghiên cứu văn học, 12/2010*), ...

Bên cạnh đó, tự sự học đã trở thành một bộ phận không thể thiếu của hành trang nghiên cứu văn học hôm nay, là “bộ phận cấu thành của hệ hình lý luận hiện đại” (Kuhn). Trần Đình Sử đã chủ biên công trình *Tự sự học – Một số vấn đề lý luận và lịch sử* (Đại học Sư phạm, 2004), nhằm giới thiệu và vận dụng lí thuyết tự sự vào nghiên cứu văn học ở Việt Nam. Trong đó, Trần Đăng Suyền quan tâm đến *Nghệ thuật tự sự của Ngô Tất Tố trong Tắt đèn*, Nguyễn Hoài Thanh nhận thấy *Sự độc đáo trong lối thuật kể của “ông vua phóng sự” Vũ Trọng Phụng*. Ngoài ra, tự sự học cũng được vận dụng để nghiên cứu văn học nước ngoài như *Thi pháp tự sự và mối quan hệ giữa lịch sử và hư cấu trong tiểu thuyết Lev Tolstoi (Văn học, 10/1996)* của Nguyễn Trường Lịch, *Nghệ thuật tự sự trong tác phẩm của Honore de Balzac* (Giáo dục, 2011) của Lê Nguyên Cẩn, ... Thực tế ấy cho thấy tự sự học đã cung cấp một công cụ sắc bén để nghiên cứu văn học nói chung và văn học hiện thực chủ nghĩa nói riêng.

Ngoài ra, nghiên cứu văn học hiện thực ở Việt Nam còn có sự góp mặt của lí thuyết tiếp nhận văn học. Có thể thấy ở những bài *Lev Tolstoi trong công cuộc hiện đại hóa văn học Việt Nam - giai đoạn trước 1945* (*Nghiên cứu văn học, 12/2010*) của Đào Tuấn Ảnh và *Lev Tolstoi ở Việt Nam - giai đoạn từ 1954 đến nay* (*Nghiên cứu văn học, 12/2010*) của Trần Thị Quỳnh Nga, *Tiếp nhận ảnh hưởng để đổi mới và sáng tạo* (*Nghĩ về một vấn đề đương đại qua nghiên cứu so sánh Huyền thoại phổ phùng của Nguyễn Huy Thiệp với Con đầm pích của A.S. Puskin*) của Phan Huy Dũng (2012), ...

Còn có thể nhắc đến vai trò của những lí thuyết hiện đại khác như phân tâm học, cấu trúc học, kí hiệu học,... Tất cả đều đóng vai trò như những chiếc chìa khóa, giúp chúng ta mở thêm những cánh cửa mới vào thế giới văn học. Cũng cần lưu ý rằng, do tiếp thu cùng một lúc

nhiều phương pháp nên mỗi phương pháp chưa được sử dụng triệt để nhằm phát huy cao độ hiệu quả của mình và thường được sử dụng trong sự pha trộn với nhau. Vì lẽ đó, Lê Hồng Sâm trong bài *Xung quanh “chủ nghĩa hiện thực” của Balzac (Văn học, 6/1999)*, từ việc cho biết chủ nghĩa hiện thực của Balzac suốt thế kỉ XX đã được lí giải bằng nhiều khuynh hướng tiếp cận khác nhau đã gợi ý bạn đọc phải biết “*gạn lọc lấy những yếu tố hợp lí, có hiệu quả để có một cách đọc khoa học và uyển chuyển, nhất quán và cởi mở, một phương pháp tiếp cận tổng hợp?*” [6, tr.28].

Bước sang thế kỉ XXI, tình hình xã hội và tâm lí con người có nhiều thay đổi, do đó, các nhà văn khi sáng tác không mặn mà lắm với vấn đề xác định một phương pháp sáng tác cụ thể, mà thường có sự hòa trộn các phương pháp, các thủ pháp với nhau. Đến lượt độc giả, họ cũng tiếp nhận tác phẩm trên tâm thế không quan tâm nhiều đến phương pháp sáng tác. Thậm chí, kinh tế thị trường, với sự thương mại hóa ấn phẩm nghệ thuật, đã tác động mạnh mẽ đến thị hiếu tiêu dùng, khiến người đọc lại chú ý hơn đến những thể loại tiểu thuyết phiêu lưu, trinh thám, ..., và bị tác động bởi những yếu tố quảng cáo, tiếp thị khi tìm đến văn học. Trước tình hình đó, có vẻ văn học hiện thực chủ nghĩa cũng như việc nghiên cứu chủ nghĩa hiện thực có tiền đề không mấy xán lạn. Tuy nhiên, trong sáng tác, người ta vẫn không thể cắt đứt hoàn toàn với truyền thống hiện thực chủ nghĩa. Trong nghiên cứu, việc đổi mới quan niệm và đa dạng hóa phương pháp nghiên cứu đã mở thêm nhiều lối đi vốn còn đóng kín trước kia với văn học hiện thực. Điều đó, cho phép chúng ta có thể khai thác vấn đề trên những bình diện mới, soi xét văn học bằng những ánh sáng mới.

Người nghiên cứu thời gian sau này tuy vẫn tìm đến những tác phẩm hiện thực chủ nghĩa nhưng lại tìm kiếm những vẻ đẹp khác mà trước đây, chưa được phát hiện hoặc chưa có điều kiện nói tới. Đó là vấn đề văn hóa trong bài *Những kí hiệu văn hóa trong vũ điệu Natasha Rostova (Nghiên cứu văn học, 12/2010)* của Phạm Gia Lâm, về tôn giáo trong *Lev Tolstoi, nghệ thuật và tôn giáo (Văn học nước ngoài, 11/2010)* của Hồ Sĩ Vịnh, hay vấn đề dịch thuật trong bài *Việc dịch và xuất bản Tolstoi ở Việt Nam, những thành tựu và những vấn đề cấp bách (Nghiên cứu văn học, 11/2010)* của Phạm Vĩnh Cư,...

Nói tóm lại, việc nghiên cứu vấn đề chủ nghĩa hiện thực kể từ sau Đổi mới đến nay đã không ngừng tiến bộ, từ chỗ dựa trên nền tảng lí luận văn nghệ Marxist truyền thống đến sự kết hợp giữa lí luận văn nghệ Marxist hiện đại và những lí luận văn nghệ ngoài Marxist; từ chỗ duy trì quan điểm nghiên cứu có phần thiên ái đối với giá trị hiện thực, chủ nghĩa hiện thực đến thái độ khách quan, công bằng hơn; từ chỗ độc tôn một phương pháp nghiên cứu đến đa dạng hóa các công cụ đi vào thế giới nghệ thuật. Những thay đổi ấy đã mang lại sự chuyển biến tích cực cho việc nghiên cứu văn học nói chung và chủ nghĩa hiện thực nói riêng.

Trải qua ba mươi năm đổi mới, việc nghiên cứu chủ nghĩa hiện thực đã có những thay đổi khá căn bản và toàn diện, từ cơ sở nghiên cứu cho đến quan điểm nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu, mang lại những nhận thức ngày càng sâu sắc và toàn diện về chủ nghĩa hiện thực. Trong quá trình nhận thức đó, vị trí của chủ nghĩa hiện thực cũng có nhiều thăng giáng,

vai trò của chủ nghĩa hiện thực cũng có đậm nhạt khác nhau, bản chất mỹ học và số phận lịch sử của chủ nghĩa hiện thực cũng ít nhiều biến đổi... nhưng có thể thấy, lực lượng nghiên cứu ngày một đông đảo và chuyên nghiệp hơn, quan điểm nghiên cứu ngày một cởi mở và đúng đắn hơn, phương pháp nghiên cứu ngày một phong phú, đa dạng hơn, vấn đề nghiên cứu ngày một phong phú hơn..., mang lại những kết quả nghiên cứu ngày một khoa học và giàu ý nghĩa hơn. Thành quả nghiên cứu ấy đã góp phần làm thay đổi diện mạo nền nghiên cứu văn học nước nhà, theo hướng khoa học, hiện đại và hội nhập sâu rộng hơn với thế giới.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lại Nguyên Ân (2003). *Sống với văn học cùng thời*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Văn Dân (2005). *Vì một nền lý luận phê bình văn học chất lượng cao*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3]. Trịnh Bá Đĩnh chủ biên (2013). *Lịch sử lý luận phê bình văn học Việt Nam*, Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4]. Đỗ Lai Thúy (2010). *Phê bình văn học – con vật lưỡng thể ấy (Tu tưởng phê bình văn học Việt Nam, Một cái nhìn lịch sử)*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [5]. Lộc Phương Thủy chủ biên (2007). *Lý luận phê bình văn học thế giới thế kỉ XX*, Giáo dục, Hà Nội.
- [6]. Lê Hồng Sâm (1999). “Xung quanh chủ nghĩa hiện thực của Balzac”, *Tạp chí Văn học*, (6), tr. 23-28.

## THIRTY YEARS OF RESEARCH INNOVATION ABOUT REALISM (1986 – 2006)

**Nguyen Thi Hong Hanh**

*School of Education, Can Tho University*

*Email: nthhanh@ctu.edu.vn*

### ABSTRACT

*The study on Realism in Vietnamese literature had earlier been interested by experts; however, it was not until the Reform initiated and led by the Communist Party in 1986 it gained important and synchronous changes as well as reaped significant achievements. Over thirty years, the study on realism has been renovated from research background to research perspective and research methods. This innovation, on the one hand, makes awareness of realism more and more perfective, on the other hand, helps the study of Vietnamese literature more increasing, catch up with the development of the advanced studies of literature in the world.*

**Keywords:** *Realism research method, research opinion, research institutions.*